**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

***(Quý IV/ 2023)***

**1. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN (DFVN – CAF)**

**1.1. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

**1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 2.62% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

**1.3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

**Chiến lược đầu tư:**

Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị, phân tích cơ bản và đánh giá các yếu tố thị trường. Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

* Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh;
* Có tình trạng tài chính lành mạnh;
* Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt; và
* Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ là tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu sắp niêm yết và các cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa.

**Tài sản được phép đầu tư:**

* Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
* Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
* Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
* Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
* Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:
* Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản Cáo bạch; và
* Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
* Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ; và
* Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**Cơ cấu đầu tư:**

Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tài sản đầu tư** | **Tỷ trọng (% NAV của Quỹ)** |
| Cổ phiếu | 50% – 100% |
| Tiền gửi ngắn hạn (\*) | 0 – 49% |
| Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát | Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai (02) loại tài sản nêu trên. |

(\*) Kỳ hạn tối đa là ba (03) tháng; Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các Ngân hàng có định mức tín nhiệm thích hợp, trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

**1.4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

**1.5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

**1.6. Mức độ rủi ro ngắn hạn:**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình.

Đồng thời, với phương pháp lựa chọn đầu tư năng động như trình bày sau đây, mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ cũng tương ứng linh động theo từng thời điểm đầu tư.

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, phân tích công ty, các yếu tố thị trường, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với từng khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung tìm kiếm và khai thác các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản, các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này. Nhờ đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

**1.7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019.

**1.8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 11.615.286,07 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 116.152.860.700 VND.

**1.9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

**1.10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn; do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hằng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

* Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong năm hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
* Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
* Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; và
* Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

**1.11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:**

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**2. Số liệu hoạt động**

**2.1. Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/12/2023**  **(%)** | **31/12/2022**  **(%)** | **31/12/2021**  **(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán cơ cấu | 94,13 | 93,00 | 91,92 |
| 2.Tiền và tương đương tiền | 5,32 | 6,27 | 7,60 |
| 3.Tài sản khác | 0,55 | 0,73 | 0,48 |
| **Cộng** | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

**2.2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | **31/12/2023** | **31/12/2022** | **31/12/2021** |
| 1. NAV của Quỹ (VND) | 161.351.154.608 | 132.813.824.473 | 155.356.470.595 |
| 2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng) | 11.615.286,07 | 10.797.931,20 | 9.459.789,45 |
| 3. NAV của một đơn vị CCQ (VND) | 13.891,27 | 12.299,93 | 16.422,82 |
| 4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 14.069,14 | 12.979,93 | 16.605,09 |
| 5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 12.710,10 | 11.501,69 | 15.520,93 |
| 6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%) | -1,18 | -6,60 | 5,90 |
| 9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 12.Ngày chốt quyền | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2,92 | 2,77 | 3,15 |
| 14.Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 275,43 | 176,59 | 302,51 |

**2.3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| - 1 năm | 12,94 | 12,94 |
| - 3 năm | 10,01 | 3,23 |
| - Từ khi thành lập | 38,91 | 6,80 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/12/2023**  **(%)** | **31/12/2022**  **(%)** | **31/12/2021**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng /01 đơn vị CCQ (%) | 12,94 | -25,10 | 30,05 |

**3. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Kinh tế Xã hội quý 4 năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Khi xung đột địa chính trị giữa Nga và Ukraina chưa có dấu hiệu kết thúc, thì tiếp tục xảy ra thêm các cuộc giao tranh tại khu vực Trung Đông. Biến đổi khí hậu, thiên tai cũng đã tác động tiêu cực đến quá trình phục hồi của các nền kinh tế lớn trên thế giới. Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của nhiều khu vực và thế giới. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Đối với tình hình trong nước, Chính phủ đã tiếp tục áp dụng nhiều giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như yêu cầu các Ngân hàng thương mại giảm mặt bằng lãi suất cho vay; thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế; ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực ưu tiên; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất… Tuy vậy khả năng hấp thụ vốn tín dụng của nền kinh tế còn thấp so với các năm trước khi nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khá yếu, thị trường bất động sản vẫn tiếp tục trong xu thế khó khăn, hoạt động xuất nhập khẩu gặp nhiều thách thức dù đã bắt đầu phục hồi trong quý 4.

Trong bối cảnh chung đó, các cân đối vĩ mô được Chính phủ bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế nhìn chung vẫn tăng trưởng khá thấp so với các năm trước đây, GDP Quý 4 tăng trưởng 6,72% so với cùng kỳ, và tính chung cả năm 2023 GDP tăng trưởng 5,05%, chỉ cao hơn mức 2,87% và 2,55% của năm 2020 và năm 2021 trong cả giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Trong quý 4 năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đã có phục hồi tích cực hơn, ước đạt 96,5 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,2% so với quý 3 năm 2023. Tính chung cả năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm trước, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với cùng kỳ. Chỉ số quản trị mua hàng – PMI kỳ tháng 12 năm 2023 là tháng thứ 4 liên tiếp nằm dưới 50, ghi nhận ở mức 48,9; PMI cho thấy tình hình sản xuất trong Quý 4 còn nhiều khó khăn khi các doanh nghiệp đang thiếu hụt các đơn hàng, đồng thời khó khăn trong việc tăng giá bán bất chấp chi phí đầu vào tăng cao. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (“FDI”) của năm 2023 duy trì tích cực, số liệu cập nhật của Tổng Cục Thống Kê cho thấy tính đến ngày 20/12/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm trước. Trong khi đó, vốn thực hiện năm 2023 ước đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Bên cạnh thu hút FDI, kiểm soát lạm phát của năm 2023 là điểm sáng tích cực, lạm phát tháng 12 tăng 0,12% so với tháng 11 và tương ứng tăng 3,58% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

**4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 12,94 | 10,01 | 38,91 |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 12,94 | 3,23 | 6,80 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường.

● Thay đổi NAV:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2022 | Tỷ lệ thay đổi (%) |
| NAV của Quỹ | 161.351.154.608 | 132.813.824.473 | 21,49 |
| NAV trên 1 CCQ (“NAV/CCQ”) | 13.891,27 | 12.299,93 | 12,94 |

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ (%)** |
| Dưới 5,000 | 1.521 | 1.252.029,09 | 10,78 |
| Từ 5,000 – dưới 10,000 | 125 | 863.935,37 | 7,45 |
| Từ 10,000 – dưới 50,000 | 92 | 1.628.694,67 | 14,02 |
| Từ 50,000 – dưới 500,000 | 10 | 870.626,94 | 7,55 |
| Từ 500,000 | 1 | 7.000.000,00 | 60,20 |
| **Tổng cộng** | **1.749** | **11.615.286,07** | **100,00** |

**4.3.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.

**5. Thông tin về triển vọng thị trường**

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh, chiếu qua trục bên phải) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ, chiếu qua trục bên trái, đơn vị: tỷ đồng/ ngày)

A graph of a graph

Description automatically generated with medium confidence

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong quý 4 năm 2023 giảm nhẹ 2,1% so với cuối quý 3, tuy nhiên tính chung cả năm Vn-index tăng 12,2% so với cuối năm 2022. Thị trường trong giai đoạn cuối năm hiện phản ánh tâm lý lưỡng lự của các nhà đầu tư trước các rủi ro của thị trường và các cơ hội từ sự phục hồi của nền kinh tế trong nửa cuối năm 2023 và 2024, dẫn đến các nhà đầu tư có xu hướng giao dịch “lướt sóng” trong ngắn hạn. Do đó thị trường có những phiên tăng giảm đan xen, xu hướng thị trường trong giai đoạn này là chưa rõ ràng. Chỉ số VN-index đóng cửa ngày giao dịch cuối cùng 29 tháng 12 năm 2023 đạt gần 1.130 điểm từ mức 1.154 của cuối tháng 9 năm 2023. Số liệu HOSE cho thấy vốn hóa thị trường đến cuối năm 2023 là hơn 191 tỷ USD, thay đổi không đáng kể so với so cuối Quý 3. Thanh khoản của thị trường trong Quý 4 cũng suy giảm khá mạnh, giá trị giao dịch bình quân giảm xuống còn 15.700 tỷ đồng/phiên từ mức 21.300 tỷ đồng/phiên trong Quý 3 năm 2023, giảm hơn gần 26%.

Tuy nhiên trong dài hạn dự kiến thị trường vẫn có nhiều động lực tăng trưởng mới như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp có thể được cải thiện, chính sách kích cầu, giảm gánh nặng thuế, phí đã được Chính phủ triển khai trong năm 2023 và tiếp tục kéo dài sang năm 2024. Chính sách tiền tệ được nới lỏng nhằm hỗ trợ thanh khoản, mặt bằng lãi suất cho vay đã xuống khá thấp tạo thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh. Các giải pháp làm minh bạch hóa thị trường nhằm hướng đến việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trong vài năm tới bắt đầu được kỳ vọng và thực thi. Tuy nhiên, nhiều khó khăn trước mắt vẫn còn đó như thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu do nhu cầu thế giới giảm hoặc do có sự thay đổi phân bổ lại giữa các khu vực, khả năng tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp bị hạn chế khi các Ngân hàng đã siết chặt các điều kiện cho vay.

Trong thực tế, luôn có những sự kiện xảy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Những bất ổn vĩ mô của nền kinh tế hoặc các sự kiện tiêu cực sẽ qua đi và dần được điều chỉnh để giúp nền kinh tế phục hồi. Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong việc điều hành nền kinh tế vượt qua các giai đoạn khó khăn. Vì vậy chúng tôi tin rằng với nhiều giải pháp hợp lý trong điều hành vĩ mô thời gian gần đây cũng như nỗ lực đẩy lùi các hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường, giữ lạm phát và tỷ giá ổn định, hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng vv sẽ giúp thị trường chứng khoán dần phục hồi, niềm tin của nhà đầu tư trở lại cùng với triển vọng tích cực hơn thì thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn. Các tổ chức quốc tế đều đồng thuận cho rằng nền kinh tế Việt Nam là điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh suy thoái toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ hồi phục dần và tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Trong trung dài hạn thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ nhiều tiềm năng phát triển khi:

* Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP cao, lạm phát được kiểm soát ở mức vừa phải so với các quốc gia khác, tỷ giá giao động trong biên độ không quá lớn (dù có vài thời điểm và sự kiện đặc biệt làm tỷ giá biến động mạnh nhưng chỉ trong thời gian khá ngắn), tình hình thu hút FDI vẫn được duy trì chưa có dấu hiệu tiêu cực,... Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước trên chu kỳ kinh tế đi lên.
* Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (chỉ số giá trên thu nhập P/E thấp hơn mức trung bình trong nhiều năm qua, và hấp dẫn hơn so với các thị trường khu vực trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, mức sinh lời trên tài sản ROA khá cao). Tầng lớp trung lưu tăng lên và tham gia ngày càng nhiều vào thị trường chứng khoán, thể hiện qua số tài khoản mở mới tăng mạnh trong 2 năm qua.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) việc nới room cho Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và niêm yết Doanh nghiệp Nhà nước. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công từ giai đoạn năm 2022-2023 cùng với gói hỗ trợ phát triển kinh tế đã được Quốc hội thông qua trong năm 2022; (iii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (FTSE Russel và MSCI Emerging Market), đặc biệt là những bước tiến triển gần đây khi mà các cơ quan nhà nước như Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có những hành động cụ thể để nhanh quá trình nâng hạng trước năm 2025 như tích cực chuẩn bị vận hành hệ thống giao dịch chứng khoán KRX, tổ chức các buổi tọa đàm lấy ý kiến cũng như chia sẽ quyết tâm từ Chính phủ về việc nâng hạng đến với các nhà đầu tư nước ngoài, cũng như với các tổ chức đánh giá; (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và Luật chứng khoán mới hiệu lực từ năm 2021.

Tuy nhiên chúng tôi vẫn khuyến nghị thận trọng với những rủi ro trên thế giới có thể chưa lường trước được và ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế Việt Nam: lạm phát vẫn duy trì khá cao ở nhiều nền kinh tế lớn dù đang có xu hướng giảm xuống, các bất ổn địa chính trị và ảnh hưởng biến đổi khí hậu là những ẩn số khó dự báo. Trong khi đó nhu cầu tiêu thụ toàn cầu suy giảm, Châu Âu và Trung Quốc đối mặt với các nguy cơ suy thoái kinh tế. Đối với trong nước, rủi ro thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp và nợ xấu của hệ thống ngân hàng chưa đo lường hết quy mô ảnh hưởng, cầu tiêu dùng và đầu tư của xã hội đều ở mức thấp. Do đó việc giữ ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng như mục tiêu hiện nay được đánh giá là nhiệm vụ khá thách thức cho Chính Phủ.

Đánh giá chung, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian dài hạn sắp tới tiếp tục có những kịch bản sáng sủa cùng với kỳ vọng tiếp tục phục hồi dần và khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo; và dĩ nhiên bức tranh sáng sủa phải kèm theo những giả định về tác động từ các rủi ro từ bên ngoài không quá lớn, lạm phát và tỷ giá kiểm soát tiếp tục ổn định, rủi ro của hệ thống ngân hàng thương mại trong tầm kiểm soát.

**6. Thông tin khác**

**6.1. Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông** **Trần Châu Danh**  Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh; * Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh; * Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Thành phố Hồ Chí Minh; * Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst); * Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán CMT (Chartered Market Technician); * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Ông có hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường mới được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011.Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam). |

**6.2. Người điều hành Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông** **Đặng Nguyễn Trường Tài,**  Giám đốc Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; * Thạc sỹ Quản trị Chương trình cao học Đại học UQAM (University of Quebec at Montreal, Canada); * CFO của PACE phối hợp với Học viện Quản trị Tài chính Hoa Kỳ AAFM; * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Ông có hơn mười lăm (15) năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, trong đó có hơn mười (10) năm giữ chức vụ Phụ trách đầu tư cổ phiếu tại các Công ty: Công ty Quản lý Quỹ Nhân Việt, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam và Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. |
| **Bà****Trần Thị Anh Trâm,**  Trưởng phòng Cao cấp  Bộ phận Nghiệp vụ Quản lý Quỹ | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Luật, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; * Cử nhân chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán, Đại học Văn Lang; * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Trên mười bốn (14) năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và đầu tư. Trong đó có hơn mười (10) năm kinh nghiệm quản lý tài sản tại các Công ty: Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. |

**6.3. Ban Đại diện Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông Đỗ Hùng Việt**  Chủ tịch | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư.  Ông từng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSC”). Trước đó, ông đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc HSC và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (“VASB”). Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn (4) năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (“HIFU”) với vị trí Trưởng phòng ủy thác. |
| **Ông Huỳnh Văn Dũng**  Thành viên | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán.  Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (“VAE”). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV.  Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (“CPA”), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam (“VACPA”), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (“VAA”) và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam (“VTCA”). |
| **Ông Nguyễn Gia Huy Chương**  Thành viên | Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực: tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (“F&B”), quản lý cảng, vận tải và viễn thông.  Hiện tại, ông đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC (“GV Lawyers”), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước & Các Cộng sự (“Phuoc & Partners”). Ông đã có hơn 10 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc & Partners.  Ông có bằng Thạc sĩ luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol Law School, Đại học UWE Bristol, UK; là thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và thành viên Hiệp hội Luật sư Châu Á Thái Bình Dương. |

*Tp, Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024*

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**

**Trần Châu Danh**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**